

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **227/2025/DS-PT**
Ngày 08 tháng 9 năm 2025
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp
hủy quyết định cá biệt

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Hồng Vân - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn H - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 556/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp Quyền sử dụng đất, T/c hủy quyết định cá biệt”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2025/DS - ST ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 514/2025/QĐPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Lê Văn Q, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là Thôn D, xã S, tỉnh Lâm Đồng).

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Xuân Đ, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là Thôn B, xã S, tỉnh Lâm Đồng).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Lâm Đồng) (vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - ông Lê Văn Q trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do chính quyền của chế độ cũ cấp cho gia đình ông trước năm 1975. Sau giải phóng, gia đình ông vẫn tiếp tục canh tác, sử dụng để trồng cây khoai mì và cây bắp. Trong quá trình sử dụng, gia đình ông khai phá thêm những vùng đất lân cận nên tổng diện tích sử dụng là 7.284 m². Năm 2002, 2003, Nhà nước đã thu hồi một phần có diện tích 2.167 m² đất và đã đền bù cho gia đình ông. Đối với phần đất còn lại, Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 772273 ngày 31/12/2008 đứng tên hộ bà Trương Thị D (mẹ của ông).

Năm 2014, bà Trương Thị D đã làm thủ tục tách thửa đối với diện tích 5.000 m² đất phía sau để chuyển nhượng cho người khác (phần đất này không liên quan đến phần đất đang tranh chấp). Phần đất sau khi tách thửa còn lại là 2.284 m², gia đình ông trồng cây điều và trên đất có mọc một số cây keo lá tràm. Năm 2017, bà Trương Thị D, ông là người thừa kế quyền sử dụng đất và được cập nhật sang tên ngày 07/10/2019.

Tháng 11/2021, bà Nguyễn Thị Xuân Đ đã cắm 01 trụ bê tông lún đất của ông với chiều ngang 09 m nên ông đã ra ngăn cản và nhờ trụ bê tông. Đến ngày 19/12/2021, bà Đ tiếp tục đưa trụ bê tông ra cắm một hàng lún sâu vào đất của ông chiều ngang 09 m và dọc theo đất. Gia đình ông đã nhờ toàn bộ số trụ bê tông đó và bỏ sang đất của bà Đ, đồng thời đến nhà bà Đ, báo cho bà biết là ông đã nhờ toàn bộ trụ bê tông mà bà Đ cắm nhưng bà Đ cho rằng đất đó là đất của bà Đ. Sau đó, ông đã làm đơn đến Ủy ban nhân dân xã S để yêu cầu giải quyết tranh chấp. Tại buổi hòa giải, bà Đ không đồng ý trả lại đất cho ông. Khi hòa giải, Ủy ban nhân dân xã S đã yêu cầu các bên không được tác động trên đất nên từ đó đến nay bà Đ không trồng trụ bê tông qua nữa.

Ông yêu cầu bà Đ trả lại phần đất đã lún chiếm theo số liệu đo đạc ngày 16/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ2 là 243m². Nhưng thực tế chỉ khoảng 237 m² (do có sai sót trong quá trình đo đạc có sự chồng lấn tại diện tích 10 m² với 243 m² thể hiện trên bản vẽ tại các điểm 12, 9, 13, 10).

Đất của bà Nguyễn Thị Xuân Đ không bị mất vì toàn bộ diện tích đất của bà Đ nằm giữa đất của ông nên nếu lùi phần ngoài thì bà Đ vẫn có phần trong và

nếu thực tế sử dụng hiện nay thì đất bị xéo ra đường. Khi cấp Giấy chứng nhận cho mẹ ông thì chính bà Đ là người kéo dây đo đạc để cấp đất nên đo như thế nào thì cấp Giấy chứng nhận như vậy. Ông thấy bản vẽ đo đạc mà Chi nhánh Văn phòng Đ2 thể hiện có con đường trên đất của ông là không đúng, vì trên đất của ông không có đường.

Bị đơn - bà Nguyễn Thị Xuân Đ trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do gia đình bà khai phá trước năm 1975. Đến năm 2007, Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 180680 thửa đất số 66, tờ bản đồ số 11, diện tích 2.489m² đứng tên bà Trương Thị D1 (mẹ của bà). Năm 2018, bà D1 chết, các đồng thừa kế đồng ý để bà hưởng quyền thừa kế. Ngày 04/6/2019, bà được cơ quan có thẩm quyền cập nhật biến động chủ sử dụng trên Giấy chứng nhận. Trong quá trình sử dụng, bà đã trồng cây điều, đến năm 2021 thì chặt bỏ và trồng cây keo lá tràm, bà đã sử dụng đất ổn định và không ai lấn đất của ai.

Thửa đất số 66 nêu trên, về phía đông tiếp giáp với đất của bà Trương Thị D (mẹ ông Lê Văn Q) và cách đường đất cũ khoảng 20 m.

Năm 2002, 2003, Nhà nước có thu hồi đất của bà Trương Thị D để làm dự án nhà máy nước tại xã S. Đến năm 2008, bà Trương Thị D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi đó ông Lê Văn Q làm việc tại thị xã P - T, tỉnh Ninh Thuận, lâu lâu mới về nên ông Q không biết gì về diện tích đất này. Sau khi bà D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Nhà nước mới mở đường bê tông như hiện nay. Con đường bê tông hiện nay cách thửa đất của bà về phía đông khoảng 20 m, phía nam khoảng 9 m.

Sau khi ông Lê Văn Q nhận thừa kế thửa đất của bà D, khoảng tháng 10/2021 thì ông Q đã dịch chuyển mốc ranh vào đất của bà khoảng hơn 10 m. Việc ông Quảng L đất là sai trái, nên bà đã nhờ bỏ. Ngày 10/12/2021, bà đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã S giải quyết cắm mốc giới tại thực địa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà thì cán bộ địa chính xã nói rằng đất của bà sử dụng ở đâu thì cắm mốc ở đó nên bà đã cắm mốc đất theo ranh giới sử dụng từ trước. Ngày 19/12/2021, ông Lê Văn Q đã nhờ bỏ mốc giới và còn đe dọa uy hiếp gia đình bà. Sau đó ông Q cho người chặt phá và đốt toàn bộ cây keo lá tràm của bà đã trồng trên diện tích đất tranh chấp. Hiện nay bà là người quản lý, sử dụng đất tranh chấp. Ông Q khởi kiện bà là không đúng, nên bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận trình bày:

Tại văn bản số 2943/UBND-TNMT, ngày 18/8/2023, Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xác nhận:

+ Đối chiếu hồ sơ lưu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng Đ2 (cơ quan lưu trữ hồ sơ địa chính của huyện cung cấp so với các quy định pháp luật liên quan tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; căn cứ Quyết định số 3092/QĐ-CTUBBT ngày 04/11/2002 và Quyết định số 3635/QĐ-CTUBBT ngày 11/12/2002 của UBND tỉnh B về việc thu hồi và thu hồi đất, giao đất bổ sung cho Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn Bình Thuận để xây dựng nâng cấp mở rộng hệ thống nước sinh hoạt Sơn M tại xã S, huyện H; căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ vị trí đất tranh chấp, biên bản làm việc sau đo đạc ngày 09/02/2023 (đính kèm Mảnh trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 16/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ2), Biên bản làm việc ngày 27/7/2023 của Phòng TN&MT thì:

Việc Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 772273 ngày 31/12/2008 cho hộ bà Trương Thị D, đã được Chi nhánh cập nhật sang tên cho ông Lê Văn Q ngày 07/10/2019 bị chồng lên phần diện tích đất đã thu hồi theo Quyết định số 3092/QĐ-CTUBBT ngày 04/11/2002 và Quyết định 3635/QĐ-CTUBBT ngày 11/12/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 772273 thì chưa trừ phần diện tích đất đã thu hồi. Việc Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AN 772273 ngày 31/12/2008 là chưa đảm bảo theo quy định pháp luật. Hiện nay, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 772273 ngày 31/12/2008 cấp cho hộ bà Trương Thị D đã được cập nhật sang tên cho ông Lê Văn Q ngày 07/10/2019 và vụ việc tranh chấp đang được Tòa án giải quyết. Do đó, sau khi có Quyết định hoặc Bản án của Tòa, Ủy ban nhân dân huyện H sẽ xem xét, điều chỉnh theo quy định.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 180680 ngày 19/6/2007 được Ủy ban nhân dân huyện H cho hộ bà Trương Thị D1, đã được Chi nhánh Văn phòng Đ3, cập nhật sang tên cho bà Nguyễn Thị Xuân Đ ngày 04/6/2019 là đúng trình tự, thủ tục và đúng đối tượng theo quy định pháp luật về đất đai tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tại Văn bản số 3696/UBND-TNMT, ngày 04/10/2024, UBND huyện H, tỉnh Bình Thuận xác định: Hiện nay bà Nguyễn Thị Xuân Đ là người quản lý, sử dụng diện tích 10 m² chồng lấn giữa 02 Giấy chứng nhận của nguyên đơn và bị đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2025/DS - ST ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận quyết định:

Áp dụng: Khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37, khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Q về việc: Yêu cầu bà Nguyễn Thị Xuân Đ trả 237m² đất tại thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 772273, ngày 31/12/2008 của UBND huyện H, tỉnh Bình Thuận cấp cho hộ bà Trương Thị D, cập nhật sang tên cho ông Lê Văn Q ngày 07/10/2019.

- Ông Lê Văn Q được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Văn Q phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng, ông Q đã nộp tạm ứng đủ, nên không phải nộp nữa.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/11/2024, ông Lê Văn Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lê Văn Q trình bày: Yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông về việc buộc bà Nguyễn Thị Xuân Đ trả 237m² đất tại thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận cho ông Q. Thừa nhận năm 2001, bà Đ có chặt cây trên diện tích đất tranh chấp.

Bà Nguyễn Thị Xuân Đào Đ1 trình bày: Phần đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà, bà không lấn chiếm đất của ông Q. Do đó, bà Đ đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ quyền bản án dân sự sơ thẩm.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Đương sự tham gia tố tụng và Tòa án các cấp thực hiện đúng thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Ông Quảng khởi K yêu cầu bà Đ trả lại cho ông Q diện tích đất tranh chấp. Tuy nhiên, phần đất tranh chấp thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Đ, thực tế bà Đ cũng là người quản lý, sử dụng đất. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thủ tục kháng cáo của đương sự thực hiện đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Lâm Đồng có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng trên.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Lê Văn Q.

[2.1] Phần đất tranh chấp theo Mảnh trích đo ngày 16/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ2 có diện tích 243m², (đo thực tế khoảng 237m²) giáp ranh giữa thửa đất số 64 của ông Lê Văn Q đang sử dụng với thửa đất số 66 của bà Nguyễn Thị Xuân Đ đang sử dụng. Quá trình sử dụng đất, ông Q cho rằng bà Đ đã lấn chiếm diện tích đất tranh chấp này của ông Q ông Q nên khởi kiện yêu cầu bà Đ trả đất. Bà Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Q, mà cho rằng diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà Đ.

[2.2] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Phần đất ông Q đang sử dụng có nguồn gốc của hộ bà Trương Thị D (mẹ của ông Q) khai hoang, canh tác có diện tích 7.284 m² đất, tại thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là xã S, tỉnh Lâm Đồng) từ trước năm 2002. Năm 2002, Ủy ban nhân dân tỉnh B (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh L) thu hồi 2.167m² đất trong tổng diện tích 7.284m² đất của hộ bà Trương Thị D để thực hiện dự án mở rộng hệ thống nước sinh hoạt tại xã S. Sau khi có quyết định thu hồi đất của, dự án không thực hiện ngay mà đất để trống. Năm 2006, khi bà D đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện H đã đo đạc toàn bộ 7.284m² đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 772273 ngày 31/12/2008 cho hộ bà Trương Thị D với tổng diện tích 7.284 m² đất (trong đó có 2.167m² đã thu hồi).

Năm 2017 bà D chết, ông Lê Văn Q kê khai, đăng ký và được cập nhật đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Công văn số 2943/UBND-TNMT ngày 18/8/2023, Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xác định: Việc Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 772273 ngày 31/12/2008 cho hộ bà Trương Thị D, đã được Chi nhánh cập nhật sang tên cho ông Lê Văn Q ngày 07/10/2019 bị chồng lên phần diện tích đất đã thu hồi theo Quyết định số 3092/QĐ-CTUBBT ngày 04/11/2002

và Quyết định 3635/QĐ-CTUBBT ngày 11/12/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh B. Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 772273 thì chưa trừ phần diện tích đất đã thu hồi.

Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 772273 ngày 31/12/2008 cho hộ bà Trương Thị D, cập nhật sang tên cho ông Lê Văn Q ngày 07/10/2019 không đúng quy định tại khoản 5 Điều 4 Luật đất đai 2003, khoản 1 Điều 48; Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP, ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

[2.3] Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 11, diện tích 2.489 m² có nguồn gốc của bà Trương Thị D1 (em gái bà D), đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 180680, ngày 19/6/2007; ngày 04/6/2019 cập nhật biến động sang tên bà Nguyễn Thị Xuân Đ (con bà D1). Thửa đất 66 giáp ranh với thửa đất số 64 của ông Q nêu trên. Năm 2014, Trung tâm nước sinh hoạt tỉnh Bình Thuận thực hiện dự án và xây dựng con đường bê tông có diện tích 135.7m² nằm trong tổng diện tích 2.167m² đã thu hồi của hộ bà D (bên trong - phía tây con đường đất cũ). Ông Q xác định lại ranh mốc hướng Đông của thửa đất là từ mép đường bê tông mới trở vào phía trong của thửa đất 64, dẫn đến tranh chấp.

Theo kết quả kiểm tra tọa độ tại thực địa của Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh B đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AN 772273, ngày 31/12/2008, cập nhật sang tên cho ông Lê Văn Q ngày 07/10/2019 và được chồng ghép lên Giấy chứng nhận số AI 180680, ngày 19/6/2007, được cập nhật sang tên bà Nguyễn Thị Xuân Đ ngày 04/6/2019 được thể hiện trên Bản đồ vị trí đất tranh chấp ngày 11/7/2024, thì phần đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Đ đứng tên; chỉ có 10m² đất chồng lấn giữa 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thực tế, bà Đ là người đang sử dụng phần đất tranh chấp, thể hiện ở việc, vào năm 2021 bà Đ có chặt các cây đào cảnh mà bà Đ đã trồng trên phần đất tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q cũng thừa nhận năm 2021, bà Đ có chặt các cây đào trồng trên diện tích đất tranh chấp nêu trên.

[2.4] Như vậy, đủ cơ sở xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà Đ, bà Đ cũng là người thực tế sử dụng đất tranh chấp. Do đó, ông Q cho rằng bà Đ lấn chiếm của ông khoảng 237m² đất theo Mảnh trích đo ngày 16/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ2, là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, là đúng quy định của pháp luật.

[2.5] Do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AN 772273 ngày 31/12/2008 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận cấp cho hộ bà Trương Thị D, cập nhật sang tên cho ông Lê Văn Q ngày 07/10/2019, không

đúng quy định pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy Giấy chứng nhận này để Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận cấp lại theo đúng quy định của pháp luật là có căn cứ.

[2.6] Ông Lê Văn Q kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, nhưng ông Q không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Q; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ thời điểm hết kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Q là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai 2003; Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Q; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2024/DS-ST ngày 28/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Q về việc: Yêu cầu bà Nguyễn Thị Xuân Đ trả 237m² đất tại Thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là Thôn B, xã S, tỉnh Lâm Đồng).

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 772273, ngày 31/12/2008 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận cấp cho hộ bà Trương Thị D, cập nhật sang tên cho ông Lê Văn Q ngày 07/10/2019. Ông Q được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn Q phải chịu, ông Q đã nộp đủ.

5. Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Lê Văn Q được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Ông Q được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo B lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000467 ngày 18/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận (nay là Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng).

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VCTVKSXXPT tại TP Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Lâm Đồng (1);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (1);
- THADS tỉnh Lâm Đồng (1);
- Đường sự (8);
- Lưu VP(6), HS(2). 21b.ĐHV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huynh

